dona-electric.com

Model - TC1620						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	65 W	88.6 m3/min	3 kg	2 cái	445 x 265 x 445 (mm)

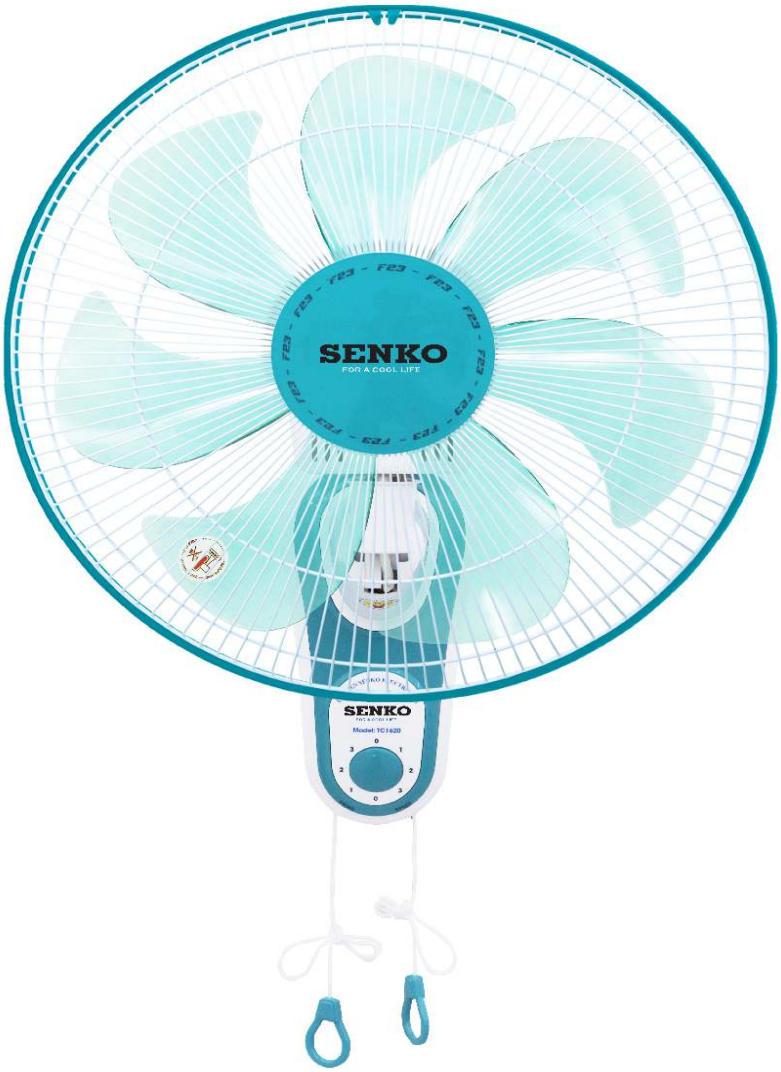

dona-electric.com

Model - TC1622						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	65 W	88.6 m3/ min	3.4 kg	2 cái	165 x 265 x 450 (mm)

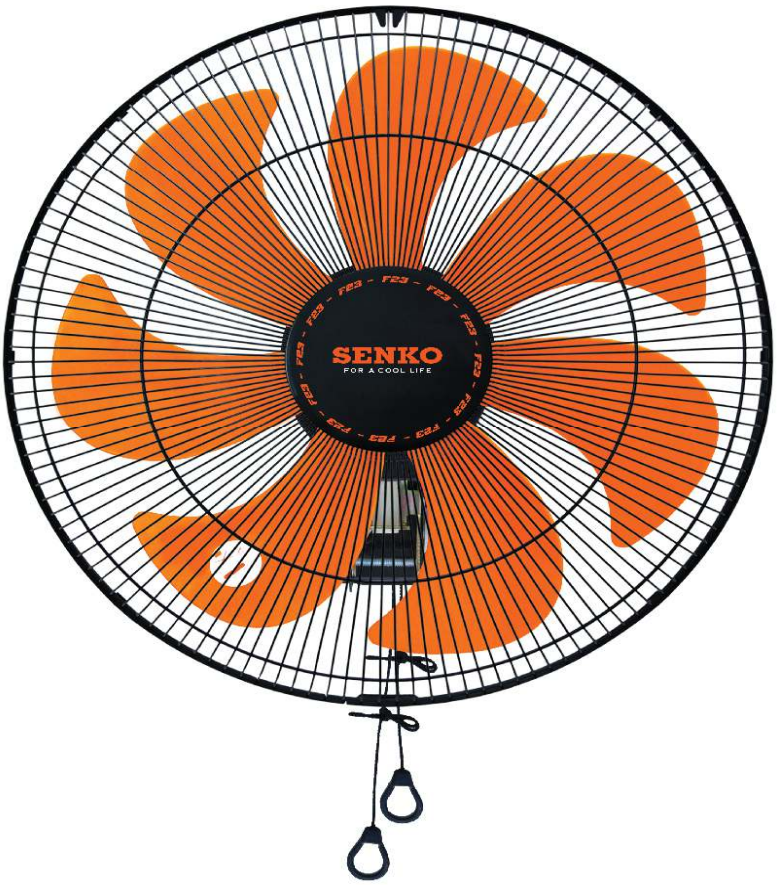

dona-electric.com

Model - TC1626						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.1 m3/min	2.9 kg	2 cái	445 x 255 x 445 (mm)

dona-electric.com

Model - TC1886						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
43 cm	220V/50Hz	65 W	89 m3/min	3.7 kg	2 cái	530 x 255 x 490 (mm)

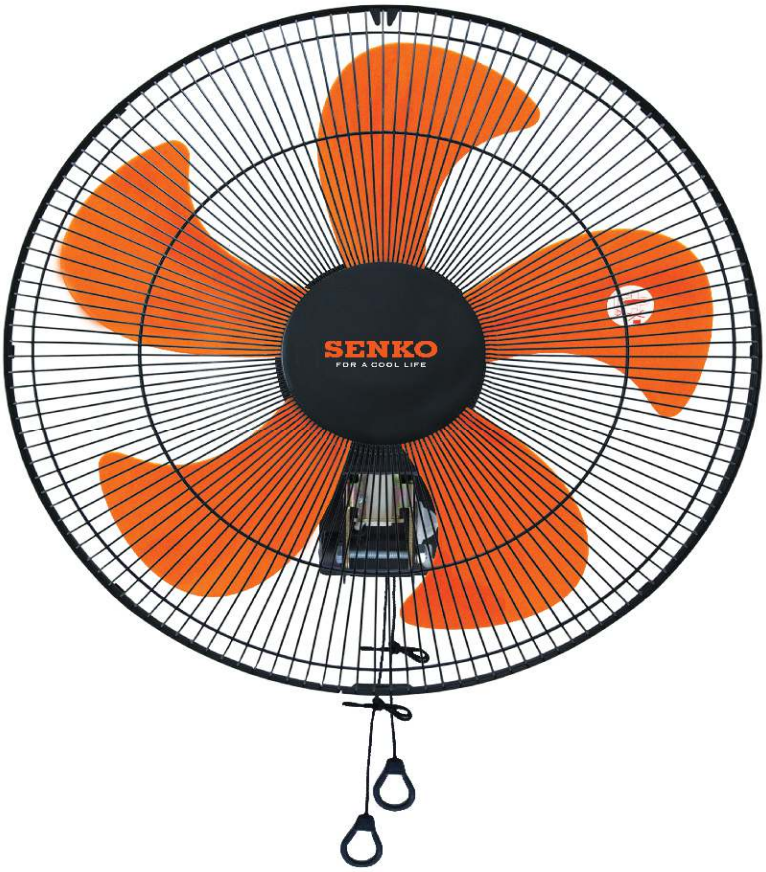

dona-electric.com

Model - TC16						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	61.3 m3/ min	3 kg	2 cái	465 x 265 x 445 (mm)

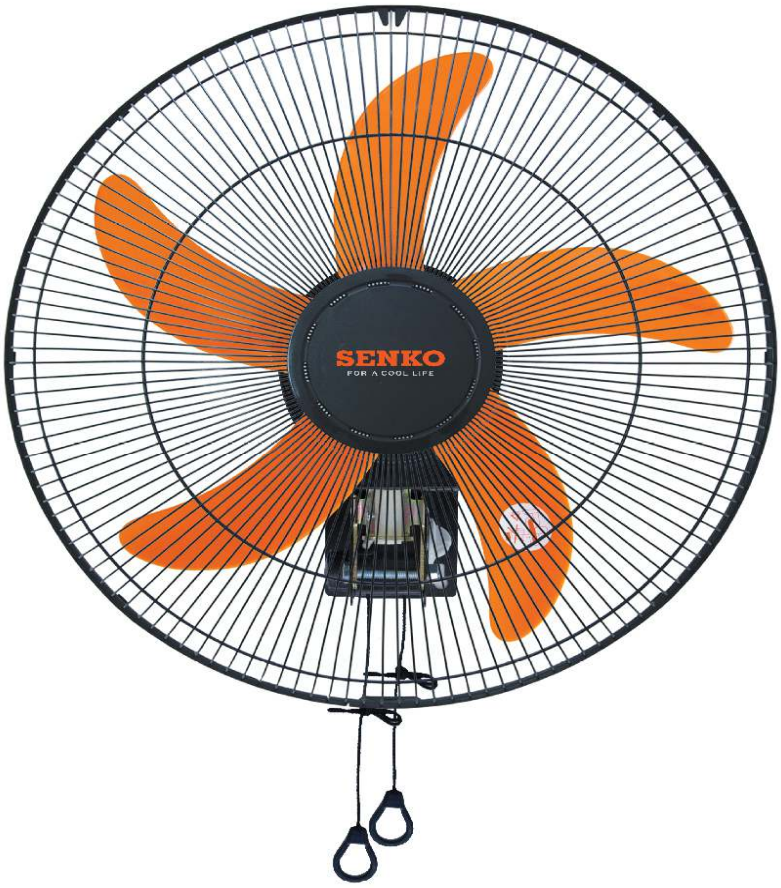

dona-electric.com

Model - TC1880						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
43 cm	220V/50Hz	65 W	89 m3/min	3.5 kg	2 cái	530 x 255 x 490 (mm)

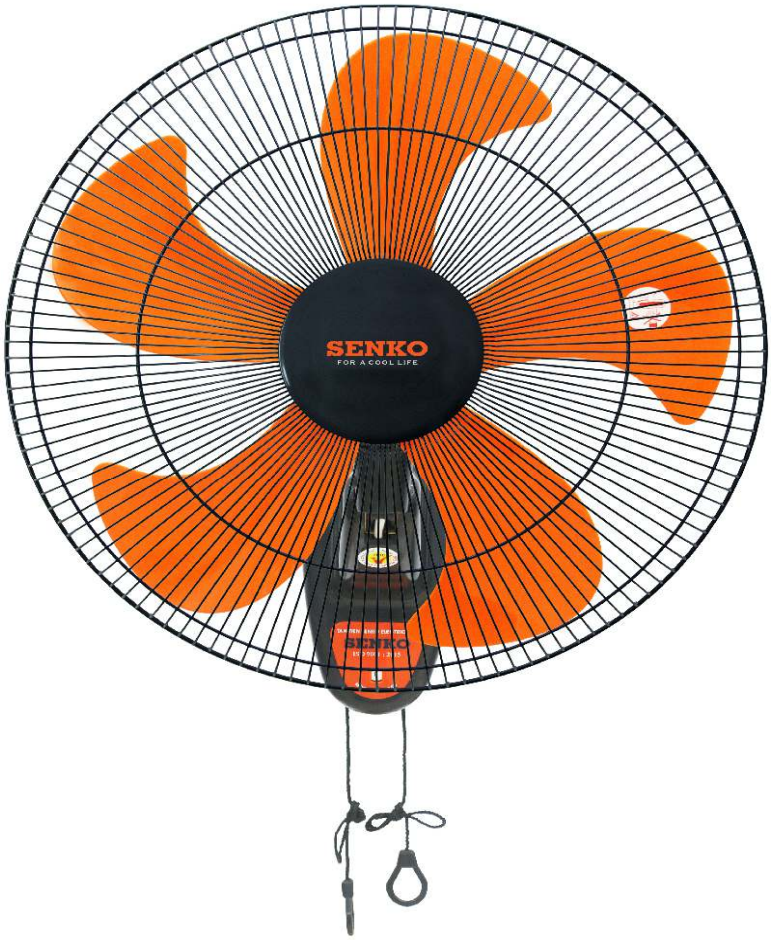

dona-electric.com

Model - T1882						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
43 cm	220V/50Hz	65 W	89 m3/min	3.6 kg	2 cái	530 x 255 x 490 (mm)

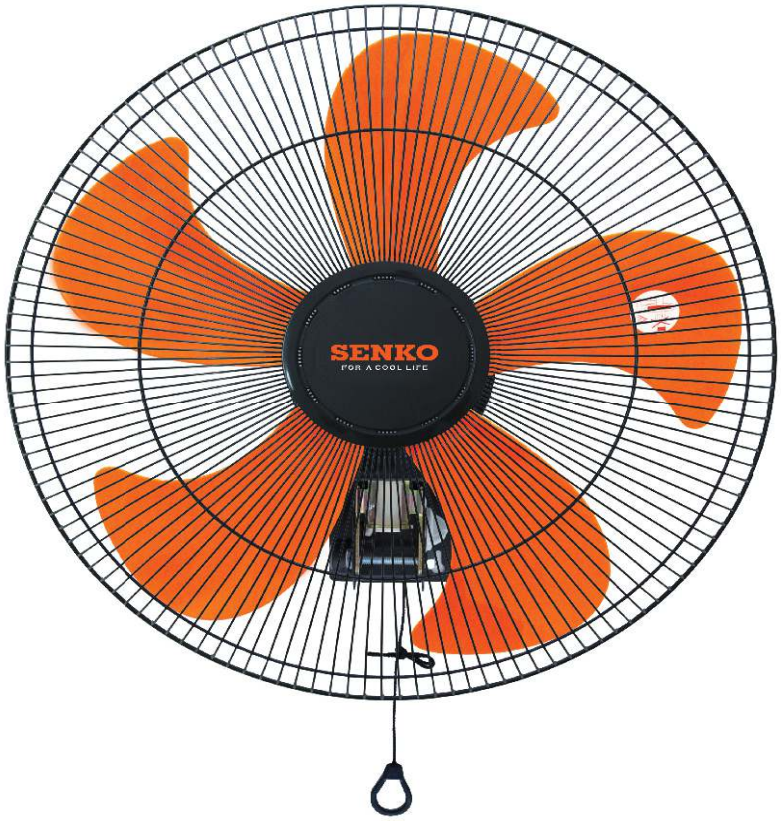

dona-electric.com

Model - TR1628						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.1 m3/ min	2.9 kg	1 cái	450 x 195 x 450 (mm)

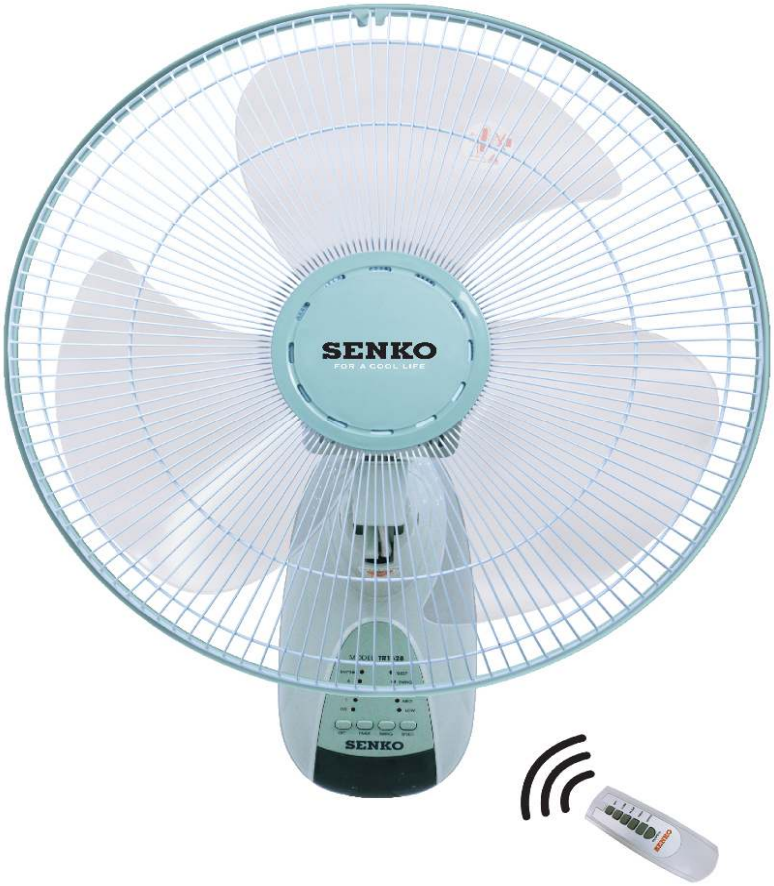

dona-electric.com

Model - T1682						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	2.8 kg	4 cái	480 x 315 x 245 (mm)

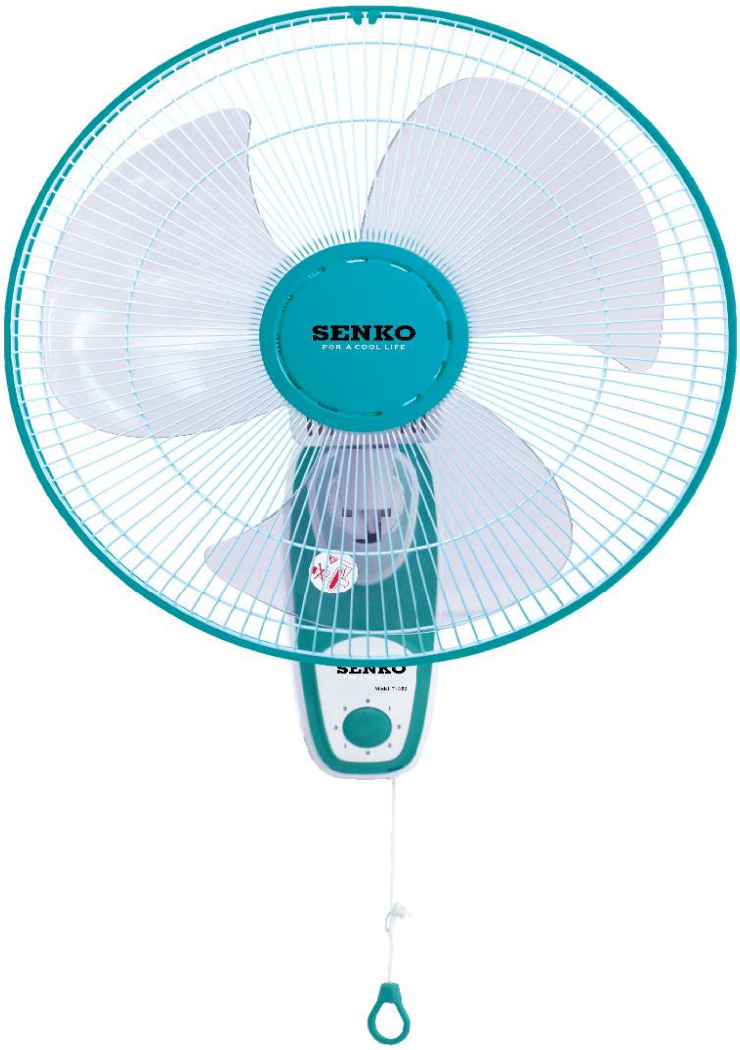

dona-electric.com

Model - T1680						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/ min	2.8 kg	4 cái	480 x 300 x 245 (mm)

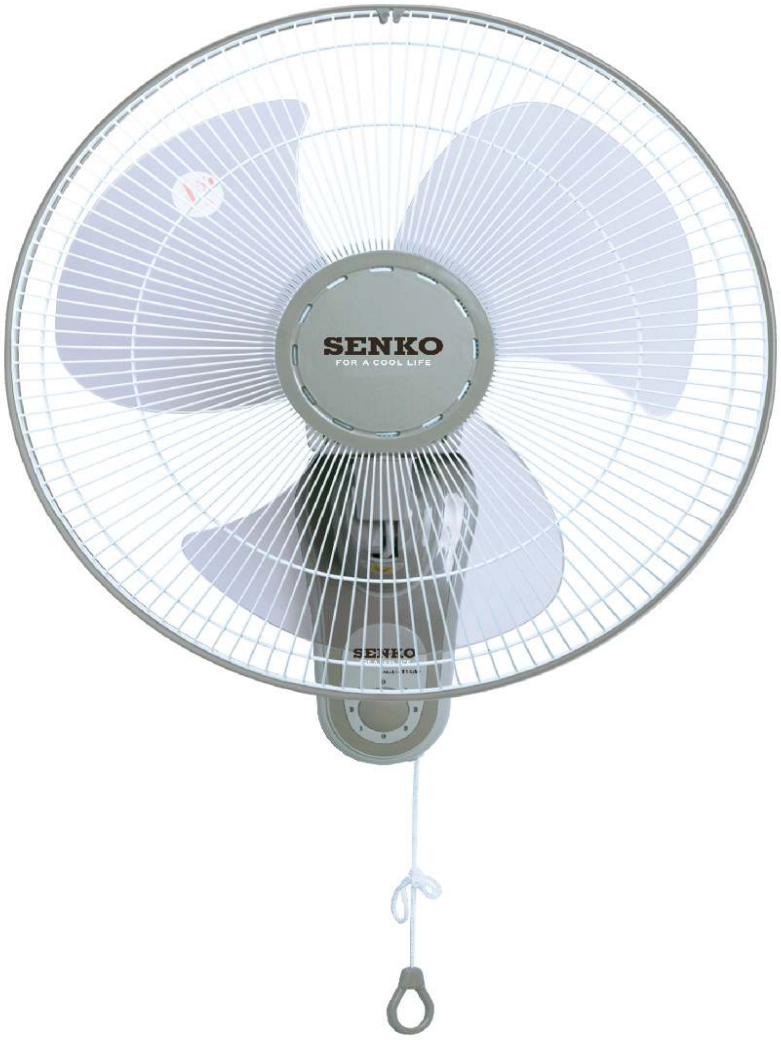

dona-electric.com

Model - TR1683						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	2.9 kg	1 cái	446 x 185 x 446 (mm)

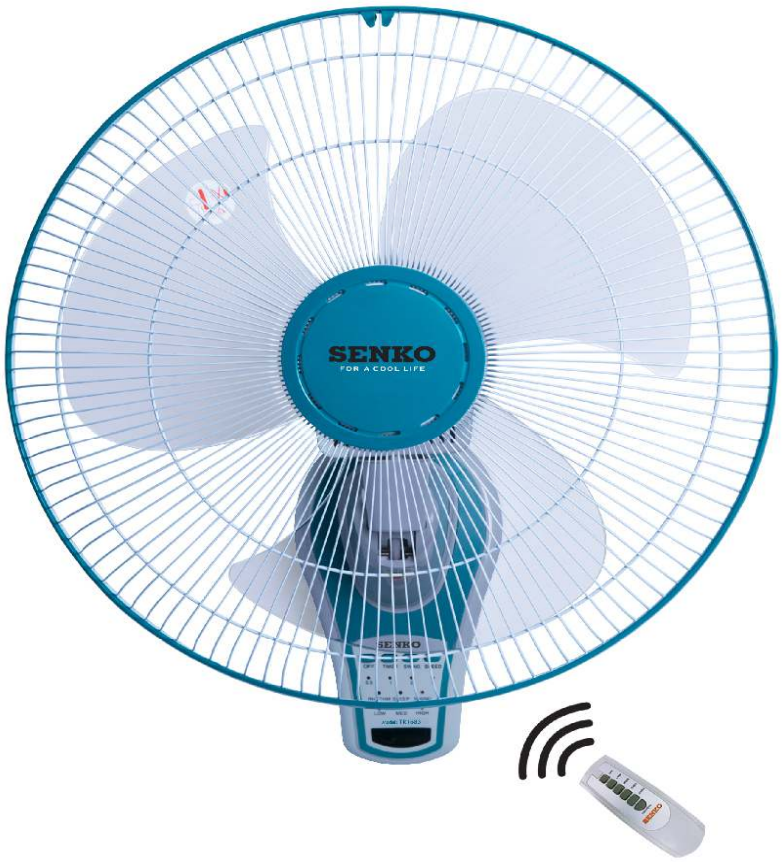

dona-electric.com

Model - TC1686						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/ min	2.9 kg	4 cái	473 x 300 x 245 (mm)

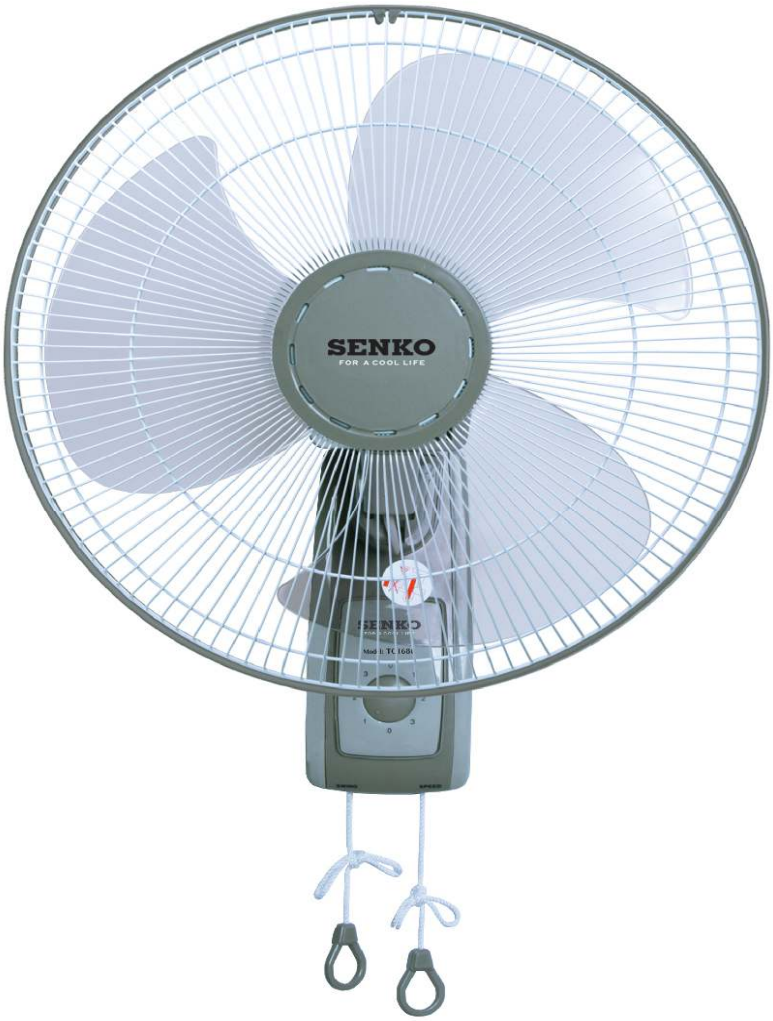

dona-electric.com

Model - B102						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
20 cm	220V/50Hz	28 W	23.9 m3/min	1.4 kg	1 cái	245 x 245 x 410 (mm)

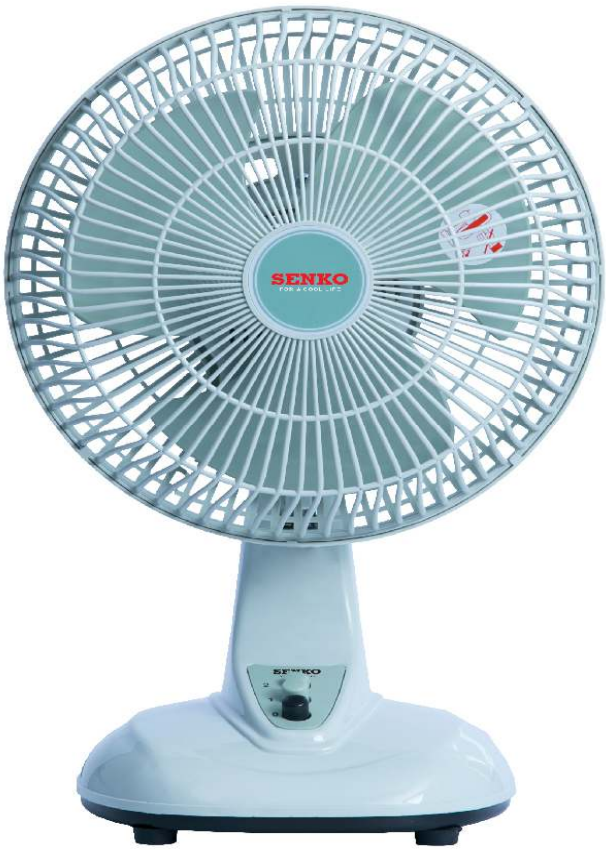

dona-electric.com

Model - B1210						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
29 cm	220V/50Hz	40 W	37.9 m3/min	2.6 kg	2 cái	380 x 250 x 540 (mm)

dona-electric.com

Model - B1213						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
29 cm	220V/50Hz	40 W	37.9 m3/min	2.4 kg	2 cái	390 x 270 x 505 (mm)

Model - BX1212						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
29 cm	220V/50Hz	40 W	37.9 m3/min	2.6 kg	2 cái	380 x 250 x 540 (mm)

dona-electric.com

Model - B1616						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	2.9 kg	2 cái	450 x 320 x 540 (mm)

dona-electric.com

Model - B1612						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	3.1 kg	2 cái	505 x 295 x 475 (mm)

dona-electric.com

Model - B1216						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
29 cm	220V/50Hz	40 W	37.9 m3/min	2.4 kg	2 cái	390 x 270 x 505 (mm)

Model - L1338						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.1 m3/min	3.4 kg	4 cái	470 x 465 x 370 (mm)

dona-electric.com

Model - LTS1636						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	65 W	88.6 m3/min	3.7 kg	2 cái	455 x 315 x 445 (mm)

Model - LS1630						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	3.6 kg	4 cái	500 x 493 x 395 (mm)

dona-electric.com

Model - LTS1632						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	60 W	83.8 m3/min	3.5 kg	2 cái	455 x 315 x 445 (mm)

dona-electric.com

Model - L1638						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	3.4 kg	4 cái	470 x 465 x 370 (mm)

dona-electric.com

Model - DTS1607						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	65 W	88.6 m3/min	4 kg	2 cái	505 x 295 x 447 (mm)

dona-electric.com

Model - DCN1808						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
43 cm	220V/50Hz	65 W	89 m3/min	4.6 kg	2 cái	552 x 340 x 497 (mm)

dona-electric.com

Model - DR1608						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	65 W	88.6 m3/min	4.9 kg	1 cái	1010 x 205 x 455 (mm)

dona-electric.com

Model - DCN1806						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
43 cm	220V/50Hz	65 W	89 m3/min	4.6 kg	2 cái	552 x 340 x 497 (mm)

dona-electric.com

Model - DH1600						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	4.1 kg	1 cái	500 x 185 x 520 (mm)

Model - DD1602						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	4.4 kg	1 cái	840 x 210 x 450 (mm)

dona-electric.com

Model - DTS1609						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	60 W	83.8 m3/min	3.9 kg	1 cái	475 x 197 x 452 (mm)

Model - TD105						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.1 m3/min	2.8 kg	2 cái	450 x 220 x 580 (mm)

Model: BD230						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
20 cm	220V/50Hz	28 W	17 m3/min	1.3 kg	1 cái	290 x 125 x 320 (mm)

Model - BD1010						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
25 cm	220V/50Hz	40 W	37.7 m3/min	2.4 kg	1 cái	365 x 150 x 403 (mm)

dona-electric.com

Model - BD1410						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
34 cm	220V/50Hz	47 W	59.5 m3/min	3.6 kg	1 cái	490 x 185 x 557 (mm)

Model - BD1012						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
39 cm	220V/50Hz	47 W	64.4 m3/min	4.1 kg	1 cái	500 x 185 x 520 (mm)

dona-electric.com

Model - H100						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
10 cm	220V/50Hz	25 W	27 m3/min	0.8 kg	1 cái	188 x 100 x 190 (mm)

dona-electric.com
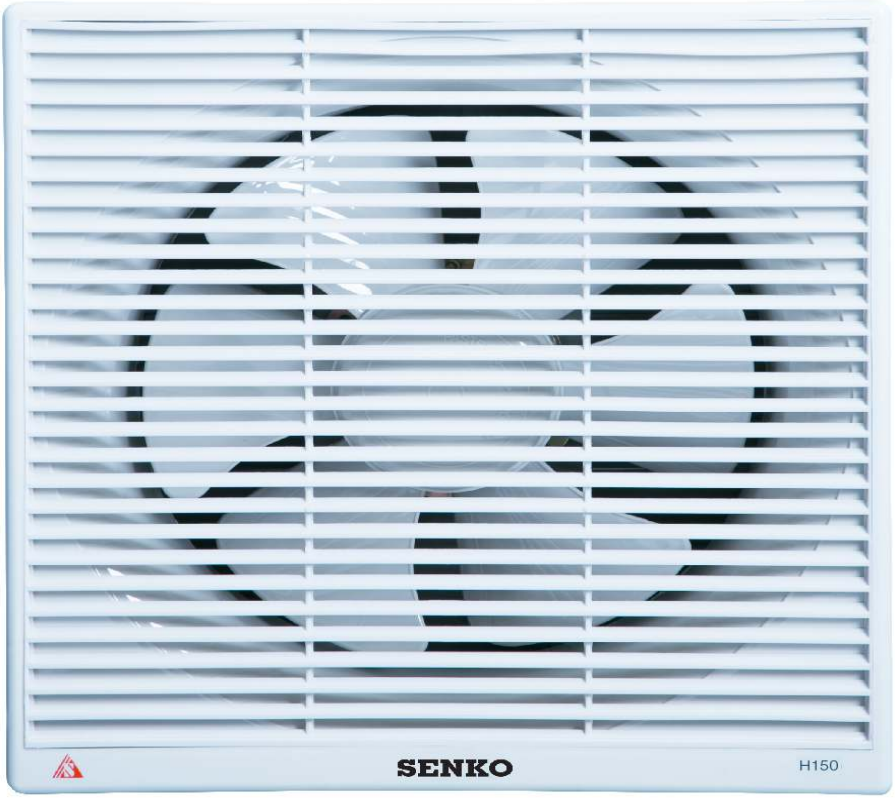
Model: H150						
Sải cánh	Điện áp	Công suất	Lưu lượng gió	Khối lượng tịnh	Qui cách thùng (cái/thùng)	Kích thước thùng (D x R x C)
15 cm	220V/50Hz	30 W	32 m3/min	1.6 kg	1 cái	268 x 258 x 155 (mm)